

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-5-2023

V/v: “Ly hôn giữa chị L và anh V”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Hoàng Trinh L, sinh năm 1995; ĐKKHKT: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Ô C, xã D, huyện P, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

(Chị L, anh V xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28-3-2023, bản tự khai ngày 03-4-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Hoàng Trinh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn V đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09-8-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Do đó mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng làm ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của cả hai vợ chồng. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện và được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng

không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị L nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân lâu dài nên tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Văn V để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nghĩa vụ chung về tài sản: chị L xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 11-4-2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn V xác nhận lời khai của chị L về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Theo anh V: sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ để anh V tại xã H đến khoảng đầu năm 2013 thì vợ chồng đi Hà Nội thuê nhà ở để làm ăn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2016 chị L lấy lý do về Thái Nguyên để chăm mẹ đẻ ốm và từ đó không về. Anh V đã gặp chị L và hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chị L không về, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh, anh V cũng xác định không còn tình cảm với chị L nữa nên nhất trí ly hôn với sự tự nguyện để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh V có lời khai thống nhất với chị L, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh V cũng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh V cũng xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc không sắp xếp đề nghị được nên chị L và anh V đều có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Hoàng Trinh L và bị đơn anh Trần Văn V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Hoàng Trinh L và anh Trần Văn V là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở

tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đăng ký kết hôn vào ngày 09-8-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung cả trong sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn và hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng vẫn không có kết quả. Việc mâu thuẫn ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống và công việc của hai vợ chồng, vợ chồng đã ly thân khoảng 7 năm. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin được ly hôn anh V. Theo anh V thì vợ chồng mâu thuẫn từ cuối năm 2015, sống ly thân từ đầu năm 2016 và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh V xác định tình cảm không còn nên cũng nhất trí. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh V thì thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V hai bên đều thừa nhận là xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng V xin ly hôn của chị L đối với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: chị L và anh V xác nhận vợ chồng không có con chung.

[4] *Về tài sản chung*: chị L và anh V thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị L và anh V xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Hoàng Trinh L và anh Trần Văn V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Ngô Hoàng Trinh L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006621 ngày 28-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga